

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2023.

*“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hùng Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 337/2022/TLST-DS ngày 12/12/2022 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXX-ST ngày 18/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-DS ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992 (*có mặt*).

Địa chỉ: 290, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Nguyễn Trọng Tr, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Trọng Tr do quen biết có tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 18/4/2014.

Thời gian đầu sau khi kết hôn chị T và anh Tr chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị T, anh Tr bất quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi, anh Tr nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị T, chị T nghi ngờ anh Tr có người phụ nữ khác bên ngoài, anh Tr không tôn trọng chị T. Anh Tr nhiều lần dẫn người phụ nữ khác về nhà ở, nhưng khi chị T hỏi thì anh Tr nói không có, ngoài ra anh Tr còn đánh chị T. Chị T và anh Tr đã cho nhau thời gian suy nghĩ, thay đổi nhưng không có kết quả. Đến tháng 10/2022 chị T và anh Tr đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị Kim T cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng Tr.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 11/03/2014 (hiện nay cháu T1 đang sống với chị T). Sau khi ly hôn, Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Kim T1, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim T đồng ý chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Trọng Tr vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trọng Tr không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Thị

Kim T1, sinh ngày 11/03/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn, chị Tho không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày không có, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng Tr. Anh Tr có nơi cư trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào các Điều 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp xin ly hôn; nuôi con sau khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Trọng Tr vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Tr vẫn vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 11/5/2023 anh Tr là người trực tiếp nhận nhưng tại phiên tòa lần thứ hai anh Tr vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng Tr là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Tr quen biết nhau tiến tới hôn nhân tuy không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 18/4/2014. Do đó, hôn nhân của chị T và anh Tr là hợp pháp.

Thời gian đầu thì chị T và anh Tr chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị T, anh Tr bất quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi, anh Tr nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị T, anh Tr có người phụ nữ khác bên ngoài, không tôn trọng chị T, ngoài ra anh Tr còn đánh đập chị T. Chị T, anh Tr đã cho nhau thời gian suy nghĩ, thay đổi nhưng không có kết quả. Chị T, anh Tr đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, tổng đạt hợp lệ cho anh Tr, nhưng anh Tr không đến Tòa án, cũng không có ý kiến trình bày phản đối ý kiến của chị T nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Đồng thời, việc anh Tr không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải cho chị T, anh Tr về đoàn tụ chung sống được. Từ các căn cứ trên cho thấy hôn nhân của chị T, anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có một con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 11/03/2014 (hiện nay Cháu T1 đang sống với chị T). Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Kim T1 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1, cuộc sống đã ổn định nên chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Trọng Tr không trực tiếp nuôi con, thì có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận nên chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp được trừ vào án phí chị T phải chịu.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T

Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Tr.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 11/03/2014 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh Nguyễn Trọng Tr được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Trọng Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015391 ngày 08/12/2022 được trừ vào án phí chị T phải nộp (chị T đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số 40 ngày 18/4/2014;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nhân